

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2005/TT-NHNN

*Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2005***THÔNG TƯ****Hướng dẫn thực hiện việc giao, nhận nợ của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nhận bàn giao tài sản hình thành bằng nguồn vốn vay các tổ chức tín dụng trong quá trình sắp xếp, đổi mới và phát triển các nông, lâm trường quốc doanh**

Thực hiện quy định của Chính phủ tại Nghị định số 170/2004/NĐ-CP ngày 22/9/2004 về sắp xếp, đổi mới và phát triển nông trường quốc doanh, Nghị định số 200/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 về sắp xếp, đổi mới và phát triển lâm trường quốc doanh; Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện việc giao, nhận nợ của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nhận bàn giao tài sản, vườn cây, đàn gia súc, diện tích rừng hình thành bằng nguồn vốn vay các tổ chức tín dụng như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân nhận bàn giao tài sản, vườn cây,

đàn gia súc, diện tích rừng (sau đây gọi tắt là tài sản) mà một phần hay toàn bộ giá trị tài sản hình thành bằng nguồn vốn vay tổ chức tín dụng (sau đây viết tắt là TCTD) của các nông trường quốc doanh, các doanh nghiệp nông nghiệp Nhà nước, lâm trường quốc doanh (sau đây viết tắt là NLTQD) thực hiện việc đổi mới tổ chức theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 170/2004/NĐ-CP và Điều 4 Nghị định số 200/2004/NĐ-CP có trách nhiệm nhận nợ.

Số nợ do các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân nhận nợ với TCTD cho vay là dư nợ được xác định giữa NLTQD với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và TCTD tại thời điểm bàn giao tài sản, tương ứng với số nợ của NLTQD được giảm đi.

09337962

1.2. Các Nông trường quốc doanh, Công ty Lâm nghiệp, Ban quản lý rừng và đơn vị sự nghiệp được thành lập từ việc chuyển đổi các NLTQD có trách nhiệm tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ mà NLTQD đã vay vốn các TCTD theo quy định tại Điểm 3 dưới đây.

1.3. Các quy định tại Thông tư này không áp dụng đối với các tài sản bàn giao theo Quyết định số 255/2003/QĐ-TTg ngày 01/12/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc bàn giao đường giao thông, hệ thống điện, công trình thủy lợi, trường học, trạm xá của các nông, lâm trường về địa phương quản lý.

2. Nguyên tắc giao, nhận nợ

2.1. Tiền vốn các NLTQD vay các TCTD phải được bảo toàn trong xây dựng và thực hiện các Đề án sắp xếp, đổi mới và phát triển NLTQD của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và các Tổng công ty (sau đây gọi tắt là Đề án).

2.2. Số nợ gốc và lãi vốn vay của TCTD mà các NLTQD chưa trả được nợ phải được xác định và nhận nợ đầy đủ.

2.3. Trường hợp giá trị tài sản hình thành từ vốn vay (được xác định tại thời điểm TCTD và NLTQD đánh giá lại giá trị tài sản) nhỏ hơn dư nợ vay thì NLTQD có nghĩa vụ thanh toán phần chênh lệch hoặc bổ sung tài sản đảm bảo

trước khi bàn giao tài sản và khoản nợ cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân.

3. Xác định nợ và nhận lại nợ

3.1. TCTD cho vay và NLTQD căn cứ vào phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng, kế ước nhận nợ, số liệu hạch toán kế toán và giá trị tài sản hình thành từ vốn vay đánh giá lại theo giá trị thực tế đến thời điểm bàn giao của NLTQD vay vốn để xác định cụ thể số nợ vay hình thành tài sản bàn giao làm cơ sở cho việc xác định số nợ mà tổ chức, hộ gia đình và cá nhân nhận bàn giao phải nhận lại nợ.

3.2. Căn cứ kết quả xác định tại điểm 3.1 nêu trên, trên cơ sở dự kiến bàn giao tài sản của địa phương hoặc Tổng công ty và các quy định tại Thông tư này, TCTD cho vay phối hợp với NLTQD có dư nợ đối chiếu lại kết quả tính toán với các hồ sơ liên quan đến khoản vay do các bên lưu giữ để lập phương án bàn giao, nhận nợ và lập danh sách các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân nhận lại nợ để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và Tổng công ty, làm căn cứ để bàn giao và thực hiện Đề án.

3.3. Trường hợp tài sản bàn giao có nguồn gốc vốn tín dụng thì Đề án sắp xếp, đổi mới và phát triển NLTQD do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố hoặc các Tổng công ty lập phải bao gồm phương án bàn giao, nhận nợ và các nội dung

liên quan đến việc bàn giao, nhận nợ theo các nguyên tắc nêu tại Điểm 2 trên đây.

3.4. Nhận nợ của bên nhận tài sản

Trên cơ sở phương án bàn giao tài sản của Đề án sắp xếp, đổi mới và phát triển NLTQD được cấp có thẩm quyền phê duyệt và căn cứ thỏa thuận với NLTQD về số nợ hình thành tài sản bàn giao, TCTD (chi nhánh TCTD) trực tiếp cho vay và NLTQD xây dựng phương án bàn giao tài sản và nợ vay theo Mẫu số 5.

3.5. Việc nhận bàn giao tài sản và nhận nợ phải được tiến hành đồng thời và phải được thể hiện bằng văn bản giữa 3 bên: NLTQD giao tài sản và chuyển giao nợ; tổ chức, hộ gia đình và cá nhân nhận nợ và TCTD. Nội dung văn bản ghi rõ các nội dung liên quan đến việc bàn giao tài sản hình thành từ vốn vay như: bên giao, bên nhận, số lượng, giá trị, tài sản giao nhận, dư nợ vay tương ứng (gốc, lãi), thực trạng dư nợ, trách nhiệm của mỗi bên trong việc giao nhận nợ, kế thừa nghĩa vụ trả nợ...

TCTD cho vay và mỗi tổ chức, hộ gia đình và cá nhân nhận bàn giao tài sản phải hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục nhận lại nợ thông qua việc lập Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo đảm tiền vay và kế ước vay vốn đồng thời với việc thanh lý Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng bảo đảm tiền vay giữa TCTD và NLTQD đối với phần dư nợ bàn giao. Đây là thủ tục nhận lại

nợ, việc thẩm định đã được TCTD thực hiện từ khi cho vay nên TCTD có thể thẩm định lại nếu thấy cần thiết; Thời hạn cho vay do TCTD thỏa thuận với bên nhận nợ và có thể điều chỉnh lại trên cơ sở nguồn thu của chính tài sản nhận nợ và các nguồn thu khác của khách hàng; Cơ chế đảm bảo tiền vay áp dụng theo cơ chế hiện hành.

Tổ chức, hộ gia đình và các nhân nhận nợ có nghĩa vụ trả các khoản nợ đã nhận lại nợ với TCTD cùng các khoản lãi phát sinh từ nợ gốc.

3.6. Các TCTD (Chi nhánh TCTD) cho vay rà soát lại toàn bộ các khoản nợ của các NLTQD thuộc đối tượng sắp xếp lại theo Nghị định số 170/2004/NĐ-CP và Nghị định số 200/2004/NĐ-CP của Chính phủ, lập Bảng kê tình hình vay, trả nợ và dư nợ của nông, lâm trường... cho từng NLTQD theo Mẫu số 1; Căn cứ bảng kê theo Mẫu số 1, TCTD (Chi nhánh TCTD) cho vay lập Biểu tổng hợp tình hình dư nợ vay TCTD đối với các tài sản hình thành từ vốn vay để thực hiện bàn giao của các nông, lâm trường khi chuyển đổi theo Mẫu số 2, gửi 1 bản cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố và 1 bản theo hệ thống về hội sở chính của TCTD. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố tổng hợp theo Mẫu số 3, TCTD tổng hợp theo hệ thống theo Mẫu số 4 gửi Ngân hàng Nhà nước (Vụ Tín dụng).

4. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

5. Tổ chức thực hiện

5.1. Tổng giám đốc (Giám đốc) các TCTD chỉ đạo các chi nhánh trong hệ thống phối hợp với các NLTQD thuộc diện sắp xếp lại và các cơ quan có liên quan trên địa bàn thực hiện các nội dung có liên quan đến việc bàn giao dư nợ của các tài sản hình thành bằng vốn vay ngân hàng theo các hướng dẫn tại Thông tư này; định kỳ hàng quý, báo cáo NHNN (Vụ Tín dụng) về việc giao nhận nợ, kết quả xử lý nợ theo phương án sắp xếp lại được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5.2. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh các tỉnh, thành phố tổng hợp tình hình bàn giao dư nợ, theo quy định tại Thông tư này của các NLTQD trên địa bàn thuộc diện sắp xếp lại theo Nghị định số 170/2004/NĐ-CP và Nghị định số 200/2004/NĐ-CP để kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong việc chỉ

đạo các TCTD (Chi nhánh TCTD) và các nông lâm trường quốc doanh thực hiện đúng các văn bản có liên quan.

5.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước; Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) các Ngân hàng Thương mại; Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng Công ty Nhà nước; các nông trường quốc doanh, các doanh nghiệp nông nghiệp Nhà nước, các lâm trường quốc doanh, các Công ty Lâm nghiệp, Ban quản lý rừng và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

5.4. Trong quá trình thực hiện nếu gặp khó khăn, vướng mắc, các TCTD, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Vụ Tín dụng) để xem xét, giải quyết./.

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC

Lê Đức Thúy

BẢNG KÊ TÌNH HÌNH VAY, TRẢ NỢ VÀ DƯ NỢ CỦA NÔNG, LÂM TRƯỞNG...

đến ngày..... tháng..... năm.....

(theo quy định tại Thông tư số 02/2005/TT-NHNN ngày 11 tháng 4 năm 2005).

Đơn vị tính: đồng

Số thứ tự	Tên tài sản của nông, lâm trường...	Tổng giá trị tài sản	TRONG ĐÓ VỐN VAY						DƯ NỢ		Ghi chú
			Số tiền vay	Số kế ước	Ngày vay	Mục đích vay	Lãi suất	Thời hạn vay	Nợ gốc	Nợ lãi	
1	Tài sản X										
2	Tài sản Y										
...	...										
...	...										
...	...										
	Tổng cộng										

Ghi chú: Tổng giá trị tài sản là Tổng giá trị tài sản của NLTQD theo sổ sách kế toán khi bàn giao tài sản.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Xác nhận của NLTQD

Lập bảng

Trưởng phòng Tín dụng

Giám đốc TCTD

TỔ CHỨC TÍN DỤNG (HOẶC CHI NHÁNH TCTD) CHO VAY

Biểu 2

**BIỂU TỔNG HỢP TÌNH HÌNH DƯ NỢ VAY TCTD ĐỐI VỚI CÁC TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ VỐN VAY
ĐỂ THỰC HIỆN BÀN GIAO CỦA CÁC NÔNG, LÂM TRƯỜNG KHI CHUYỂN ĐỔI**

đến ngày..... tháng..... năm.....

(theo quy định tại Thông tư số 02/2005/TT-NHNN ngày 11 tháng 4 năm 2005).

Đơn vị tính: đồng

Số thứ tự	Tên nông, lâm trường	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản	Số tiền vay	Mục đích vay	Lãi suất	Thời hạn vay	Dư nợ		Ghi chú
								Nợ gốc	Nợ lãi	
I	Nông trường A									
1	Tài sản X									
2	Tài sản Y									
II	Lâm trường B									
...	...									
...	...									
...	...									
...	...									
...	...									
	Tổng cộng									

Ghi chú: Tổng giá trị tài sản là Tổng giá trị tài sản của NLTQD theo sổ sách kế toán khi bàn giao tài sản.

Lập bảng

Trưởng phòng Tín dụng

....., ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

**BIỂU TỔNG HỢP TÌNH HÌNH DƯ NỢ VAY TCTD ĐỐI VỚI CÁC TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ VỐN VAY
 ĐỂ THỰC HIỆN BÀN GIAO CỦA CÁC NÔNG, LÂM TRƯỜNG KHI CHUYỂN ĐỔI**

đến ngày..... tháng..... năm.....

(theo quy định tại Thông tư số 02/2005/TT-NHNN ngày 11 tháng 4 năm 2005).

Đơn vị tính: đồng

Số thứ tự	Tên lâm trường	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản	Số tiền vay	Mục đích vay	Lãi suất	Thời hạn vay	Dư nợ		Ghi chú
								Nợ gốc	Nợ lãi	
I	TCTD (chi nhánh)...									
1	Nông trường A									
a	Tài sản X									
b	Tài sản Y									
2	Lâm trường B									
II	TCTD (chi nhánh)...									
...	...									
...	...									
	Tổng cộng									

Ghi chú: Tổng giá trị tài sản là Tổng giá trị tài sản của NLTQD theo sổ sách kế toán khi bàn giao tài sản.

Lập bảng

Kiểm soát

....., ngày..... tháng..... năm.....

Giám đốc chi nhánh

**BIỂU TỔNG HỢP TÌNH HÌNH DƯ NỢ VAY TCTD ĐỐI VỚI CÁC TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ VỐN VAY
ĐỂ THỰC HIỆN BÀN GIAO CỦA CÁC NÔNG, LÂM TRƯỜNG KHI CHUYỂN ĐỔI**

đến ngày..... tháng..... năm.....

(theo quy định tại Thông tư số 02/2005/TT-NHNN ngày 11 tháng 4 năm 2005).

Đơn vị tính: đồng

Số thứ tự	Tên TCTD	Địa chỉ	Tổng giá trị tài sản	Số tiền vay	Mục đích vay	Lãi suất	Thời hạn vay	Dư nợ		Ghi chú
								Nợ gốc	Nợ lãi	
I	Chi nhánh tỉnh (thành phố)...									
1	Nông trường A									
a	Tài sản X									
b	Tài sản Y									
2	Lâm trường B									
a	Tài sản X									
b	Tài sản Y									
II	Chi nhánh tỉnh (thành phố)...									
...	...									
...	..									
	Tổng cộng									

Ghi chú: Tổng giá trị tài sản là Tổng giá trị tài sản của NLTQD theo sổ sách kế toán khi bàn giao tài sản.

Lập bảng

Kiểm soát

....., ngày..... tháng..... năm.....

Tổng giám đốc (Giám đốc)

TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Biểu 5

Áp dụng cho TCTD cho vay trực tiếp

gồm: Trụ sở chính và chi nhánh TCTD

PHƯƠNG ÁN GIAO NHẬN NỢ CỦA TÀI SẢN BÀN GIAO*(theo quy định tại Thông tư số 02/2005/TT-NHNN ngày 11 tháng 4 năm 2005).*

Đơn vị tính: đồng

Số thứ tự	Bên giao	Bên nhận	Tài sản nhận	Tổng giá trị tài sản	Trong đó vốn vay	Dư nợ bàn giao		Chữ ký của người nhận bàn giao
						Gốc	Lãi	
1	Lâm trường A	Ông X	Y	...				
...	...							

Ghi chú: Tổng giá trị tài sản là Tổng giá trị tài sản của NLTQD theo sổ sách kế toán khi bàn giao tài sản.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Lập bảng

Kiểm soát

Giám đốc